

TÌM HIỂU CÁC BIỂU THỨC ẨN DỤ VỀ TÌNH YÊU ĐÔI LỬA CHỨA “LÒNG” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ “HEART” TRONG TIẾNG ANH QUA THI CA

A STUDY OF METAPHORICAL EXPRESSIONS OF LOVE CONTAINING THE WORD “LÒNG” IN VIETNAMESE AND THE WORD “HEART” IN ENGLISH THROUGH POETRY

Hồ Trịnh Quỳnh Thu¹, Phan Văn Hòa²

¹NCS Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; hotrinhquynhthu@yahoo.com

²Đại học Đà Nẵng; hoauni@gmail.com

Tóm tắt - Ẩn dụ theo quan điểm tri nhận cho phép hiểu một miền ý niệm trừu tượng hơn thông qua một miền ý niệm ít trừu tượng hơn nhờ vào các biểu thức ngôn ngữ; đó là nơi hàm chứa và phản náo thể hiện văn hóa dân tộc. Lakoff và Johnson [5], Lakoff và Turner [6], Kövecses [2] và Lý Toàn Thắng [11] trong những công trình nghiên cứu về thuyết tri nhận đã khẳng định điều này. Bài viết tiếp cận hướng lý luận như vậy để khảo sát hơn 300 bài thơ tiếng Việt và gần 300 bài thơ tiếng Anh có biểu thức ẩn dụ về tình yêu đôi lứa chứa từ “lòng” trong tiếng Việt và từ “heart” trong tiếng Anh; từ đó phân tích và đối chiếu nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các biểu thức ẩn dụ có hai từ này. Khi xét ở khía cạnh văn hóa và ngôn ngữ để dẫn đến kết luận, người viết còn tham khảo những ý tưởng chủ đạo của Trần Ngọc Thêm [15] và một số nhà nghiên cứu liên quan đến văn hóa và ngôn ngữ.

Từ khóa - biểu thức ẩn dụ; tình yêu; văn hóa; ngôn ngữ học tri nhận; tiếng Việt; tiếng Anh.

1. Đặt vấn đề

Tình yêu được xem như một trong những tình cảm cơ bản của con người, nguồn cảm hứng vô tận trong văn thơ. Là một phạm trù trừu tượng, tình yêu đôi lứa được các nhà văn, nhà thơ chế tác theo cảm nhận và trải nghiệm riêng thông qua các biểu thức ngôn ngữ; rất nhiều trong số đó là các biểu thức ẩn dụ.

(1) Chì nay lòng ấm lại rồi,

Mối tình chết đã có người hồi sinh

(Nguyễn Bính, *Lỡ bước sang ngang*) [17]

Ở đây tình yêu được ví như ánh mặt trời xua tan lạnh lẽo, đem lại sự ấm áp và sự sống cho vạn vật trên trái đất, trong đó có “chị”, “tình của chị” thông qua các biểu thức ẩn dụ *lòng ấm lại*, *hồi sinh*.

Từ “lòng” ở đây không còn hiểu đơn thuần là một bộ phận của cơ thể mà là một hình ảnh ẩn dụ: “*lòng ấm lại*”. Đó là một trong những yếu tố văn hóa cơ bản của người Việt. Trần Ngọc Thêm [15] trong quá trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, người Việt thường dùng “lòng” làm biểu tượng tình cảm nói chung, tình yêu nói riêng (*phải lòng nhau*), trong khi người phương Tây lại dùng “heart” (tim) để nói về nó:

(2) There's a batch of romance

Now simmering in the heart

(Jason Sturmer, *A holiday for the heart*) [24]

Từ hiện tượng này, chúng tôi sẽ tìm hiểu cách diễn đạt tình yêu đôi lứa bằng phương thức ẩn dụ chứa hình ảnh “lòng” trong tiếng Việt và “heart” trong tiếng Anh; đồng

Abstract - Metaphor, according to cognitive view, refers to understanding a more abstract domain through a more concrete domain via linguistic expressions. It is said that through the expressions of metaphor the culture of a people can exist and be revealed. This is also confirmed in the studies in cognitive linguistics by Lakoff and Johnson [5], Lakoff and Turner [6], Kövecses [2] and Ly Toan Thang [11]. Based on such approaches, this paper has investigated over 300 Vietnamese poems and nearly the same number in English containing metaphorical expressions for love, which have the word “lòng” in Vietnamese and the word “heart” in English. Then, the writer analyses and contrasts the findings to find out the similarities and differences in using these words in metaphorical expressions of love in the two languages. When considering the relationship between culture and language to come to the conclusion, the writers also refer to Tran Ngoc Them's [15] and other authors' ideas in the same field.

Key words - metaphorical expressions; love; culture; cognitive linguistics; Vietnamese; English.

thời, cũng tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai ngôn ngữ.

2. Sơ lược vấn đề nghiên cứu

Từ điển Tiếng Việt [16] định nghĩa “lòng” là (i) bộ phận bên trong của một vật, (ii) biểu tượng của tình cảm, ý nghĩ, tinh thần... Theo từ điển Oxford [1], “heart” (tim) có nghĩa là (i) một cơ quan bên trong của cơ thể truyền máu đi khắp cơ thể, (ii) phần cơ thể xem như là trung tâm của tình cảm và cảm xúc. Nguyễn Đức Tồn [13] cho rằng trung tâm tình cảm của người Anh là “heart” (tim) và của người Việt là “lòng”. Vì vậy, khi nhắc đến tình cảm nói chung, tình yêu nói riêng, người Anh thường dùng hình ảnh *tim* trong khi người Việt thì dùng *lòng*.

Hình ảnh “lòng” và “heart” trong các biểu thức ẩn dụ về tình yêu chỉ xuất hiện trong một vài công trình nghiên cứu gần đây. Ly Lan [10] với “Biểu trưng tình cảm bằng các bộ phận cơ thể từ góc nhìn tri nhận của người bản ngữ Tiếng Anh và tiếng Việt” đã đề cập đến các kết hợp từ/ thành ngữ có yếu tố chỉ bộ phận *bụng (lòng/ dạ, ruột)* trong tiếng Việt và *heart* trong tiếng Anh diễn đạt tình cảm nói chung. Một nghiên cứu khác, *Ẩn dụ tri nhận về con người trong văn chương dân gian Nam Bộ* của Nguyễn Thị Kim Thoa [22] đã khảo sát chung các ẩn dụ tri nhận về “lòng, dạ, ruột, tim...”

Có thể thấy rằng, các biểu thức ẩn dụ tình yêu đôi lứa chứa “lòng” trong tiếng Việt và “heart” trong tiếng Anh vẫn chưa được nghiên cứu cụ thể. Vì vậy, bài viết này sẽ đi sâu khảo sát các loại biểu thức ẩn dụ này và nêu bật sự tương đồng cũng như khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

3. Giải quyết vấn đề

3.1. Cơ sở lý luận

Không như quan điểm truyền thống xem ẩn dụ chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ, một biện pháp tu từ dùng trong văn thơ hay các lời nói bóng bẩy, ngôn ngữ học tri nhận chứng minh ẩn dụ tồn tại khắp đời sống hằng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà cả trong tư tưởng và hành động [2], [5], [7], [8], [11], [12]. Bản chất của ẩn dụ là sự ý niệm hóa và hiểu những hiện tượng loại này trên cơ sở các hiện tượng loại khác thông qua các ánh xạ. Vì vậy, ẩn dụ theo quan điểm tri nhận được hiểu là tập hợp các ánh xạ giữa miền nguồn cụ thể và miền đích trừu tượng hơn, trong đó chứa các nhận thức bề mặt (surface realizations) gọi là các biểu thức ẩn dụ (metaphorical expressions) gồm từ, cụm từ hoặc câu [4].

Theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ là phương thức tư duy của con người. Nó dựa trên cơ sở tri nhận từ những cảm nhận và trải nghiệm của cá nhân hay cộng đồng ngôn ngữ; điều đó có nghĩa là nó mang tính văn hóa vì “các khuôn mẫu văn hóa tồn tại chủ yếu do sự tổ chức nhận thức có trong mỗi cá thể tạo nên xã hội [9]”. Lakoff và Turner [6] cũng nói, *trong một phạm vi nào đó, ẩn dụ mang nét đặc trưng văn hóa riêng*.

3.2. Kết quả khảo sát

Khảo sát ngẫu nhiên bốn tập thơ tiếng Việt: Thơ Xuân Diệu [18], Thơ Nguyễn Bính [17], Thơ tình tuổi đang yêu [19] và Đi qua thương nhớ [20], chúng tôi thống kê như sau:

Bảng 1. “Lòng” trong các biểu thức ẩn dụ tiếng Việt

	“lòng” xuất hiện trong thơ	ẩn dụ tình yêu chứa “lòng”
Thơ Xuân Diệu (117 bài)	125	71
Thơ Nguyễn Bính (82 bài)	42	24
Thơ tình tuổi đang yêu (122 bài)	79	54
Đi qua thương nhớ (61 bài)	47	35
Tổng cộng (382 bài)	293	184 (62,8%)

Đối với tiếng Anh, chúng tôi tiến hành khảo sát: 10 love poems [24], 100 greatest poems [25], 48 bài thơ tình trên trang famouspoetsandpoems.com, và 65 bài tại poemhunter.com; kết quả thu được như sau:

Bảng 2. “Heart” trong các biểu thức ẩn dụ tiếng Anh

	“heart” xuất hiện trong thơ	ẩn dụ tình yêu chứa “heart”
10 love poems (10 bài)	10	8
100 greatest poems (93 bài)	55	40
poemhunter.com (65 bài)	147	108
famouspoetsandpoems (48 bài)	14	9
Tổng cộng (216 bài)	226	165 (73,0%)

3.3. Nhận xét

“Lòng”, “heart” và các biểu thức ẩn dụ chứa hai thành tố này đều được dùng rất nhiều để mô tả tình yêu trong tiếng Anh và tiếng Việt; nhưng theo khảo sát, “heart” và các biểu thức ẩn dụ chứa nó trong tiếng Anh chiếm tỉ lệ nhiều hơn “lòng” và các biểu thức ẩn dụ chứa “lòng” trong tiếng Việt. Điều này có thể lý giải được. Trong tiếng Việt, có nhiều từ được dùng tương đương với “lòng” khi diễn đạt tình cảm như “bụng”, “dạ”, “ruột”, “tim”; trong khi tiếng

Anh hầu như chỉ dùng “heart” [13].

3.3.1. “Lòng” trong các biểu thức ẩn dụ về tình yêu đôi lứa trong tiếng Việt

Xem bụng là vùng quan trọng đối với cơ thể và cuộc sống, người Việt lấy *lòng* làm biểu tượng tình yêu [13]; vì vậy, ngay khi sử dụng từ “lòng” để diễn đạt tình yêu thì nó có thể đã mang tính ẩn dụ. Ví dụ:

(3) *Lòng thấy giăng tơ một mối tình*

(Nguyễn Bính, *Mưa Xuân*) [17]

Trong câu thơ trên, *lòng thấy* là một biểu thức ẩn dụ. *Lòng* ở đây được xem như một SINH VẬT có thể *nhìn thấy* hay *cảm nhận* được mọi thứ xung quanh. Cụm từ *lòng thấy giăng tơ một mối tình* là một biểu thức ẩn dụ diễn tả cảm nhận về sự bắt đầu của tình yêu thông qua ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ SỢI DÂY RÀNG BUỘC. Và khi yêu, con người bỗng vui tươi hơn, yêu đời hơn:

(4) *Đạo ấy đêm nào tôi cũng sang*

Cùng em nói chuyện mãi không tàn

Giữa lúc trời đầy căng giông bão

Mà lòng phơi phơi ngỡ xuân đang

Đạo ấy đường đi đêm tối đen

Qua bao bờ ruộng thấp không đèn

Có chỗ mập mờ xe thẳng gấp

Mà lòng cứ ngỡ giữa mùa trăng

(Nguyễn Thanh Tùng, *Đạo ấy*) [19]

Rõ ràng, con người khi yêu có cái nhìn khác về vạn vật xung quanh. Mọi thứ dường như tràn đầy sức sống và tươi đẹp hơn. Người đọc có thể cảm nhận được điều này thông qua các biểu thức ẩn dụ *lòng ... ngỡ xuân đang* và *lòng cứ ngỡ giữa mùa trăng* nhờ vào ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ SỰ MÙ QUÁNG. Bên cạnh đó, một tình yêu trọn vẹn được mô tả thông qua một hạnh phúc tràn đầy với biểu thức ẩn dụ *lòng phơi phơi* nhờ ẩn dụ HẠNH PHÚC HƯỚNG LÊN TRÊN (HAPPY IS UP [5]). Tuy nhiên, không phải bất cứ ai khi yêu cũng thấy đêm nào trăng cũng sáng, lúc nào cũng đang xuân, mà ngược lại:

(5) *Ta bắt đầu biết sợ những cái nhìn âm áp,*

Biết sợ những ngày nắng mà trong lòng giăng mây u ám

(Nguyễn Phong Việt, *Cho những trái tim vẫn ở lại chốn này*) [20]

Khi tình yêu suôn sẻ, con người vui vẻ hạnh phúc; trái lại, khi tình yêu gặp bất trắc, con người buồn bã âm trầm; vì vậy mà *trong lòng giăng mây u ám*. Không những thế, yêu còn đáng sợ hơn:

(6) *Yêu là chết ở trong lòng một ít*

(Xuân Diệu (XD), *Yêu*) [18]

Yêu là chấp nhận mất đi một phần nào đó của bản thân, được thể hiện dưới biểu thức ẩn dụ *chết ở trong lòng một ít*. Tình yêu ở đây là KẼ ĐỐI NGHỊCH, đem lại đau khổ cho con người khi yêu (vì *mấy khi yêu mà chắc được yêu*), lúc *ly biệt* và thậm chí cả khi được yêu (vì *tình ái là sợi dây vắn vít* (XD)). Nhưng dù hạnh phúc hay đau khổ, con người vẫn không thể không yêu:

(7) *Hãy yêu đi bớt bỏ ngỡ với đời*

Đề lòng mình khỏi thấy chơi vơi

(Nguyễn Thanh Tùng, *Yêu để đời thêm yêu*) [19]

Đúng vậy, con người không thể không yêu, bởi yêu để có nơi bám víu, để *lòng khỏi thấy chơi vơi*, tro tro. Biểu thức ẩn dụ *lòng chơi vơi* khi không có tình yêu gợi cho người đọc cảm giác bất an, cô độc và mất thăng bằng. Sở dĩ ta có cảm giác này là do từ sâu thẳm trong suy nghĩ của mỗi người chúng ta đều có nhận thức về *một đôi* (hai người yêu nhau) trong tình yêu. Chính ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT** giúp ta hiểu ra hiện tượng này.

Tóm lại, tình yêu từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc đều có thể diễn đạt một cách trọn vẹn gắn với “lòng”. Có thể thấy rằng, ở mỗi giai đoạn cụ thể của tình yêu, “lòng” lại được mô tả một cách khác nhau, lột tả gần như đầy đủ các trạng thái của con người khi yêu.

3.3.2. “Heart” trong các biểu thức ẩn dụ về tình yêu đôi lứa trong tiếng Anh

Nếu trong tiếng Việt, “lòng” được dùng để diễn tả các trạng thái tinh thần, tình cảm của con người thì từ tương đương của nó trong tiếng Anh là “heart”, chẳng hạn như *đau lòng/ heart-broken, cháy lòng/ heart-burning, ấm lòng/ heart-warming,...* Đặc biệt, trong việc mô tả tình yêu đôi lứa, người ta thường dùng “heart”:

(7) When I met you, *my heart skipped a beat*

(Khi tôi gặp em, trái tim tôi lỡ nhịp)

(Jon. London, *When I close my eyes*) [22]

Dù không nói tôi yêu em nhưng rõ ràng nhân vật *tôi* trong câu thơ trên đã bắt đầu yêu ngay từ khi gặp mặt. Hình ảnh *my heart skipped a beat* tiết lộ điều đó. Ở đây, *my heart skipped a beat* là một biểu thức ẩn dụ, trong đó hình ảnh “tim” đã bị tình yêu làm cho không còn như bình thường mà bị lỡ nhịp. Ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ KẺ ĐÓI NGHỊCH** giúp ta cảm nhận được điều này.

Khi yêu, con người ta thường chỉ nghĩ về người mình yêu, muốn dành trọn vẹn tình yêu cho người đó:

(8) *My heart is filled with love for you*

(Trái tim tôi đầy ắp tình yêu dành cho em)

(Trisa, *I thank God send you to me*) [22]

Ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ CHẤT LƯU (FLUID)** giúp chúng ta hiểu rằng “tôi” toàn tâm toàn ý yêu “em” thông qua biểu thức ẩn dụ *my heart is filled with love for you*. Một khi đã dành hết tình yêu cho một ai đó, con người cũng mong muốn được yêu và được sở hữu, cận kề “trái tim” của người đó:

(9) *I carry your heart with me* (Tôi đem tim em theo tôi)

I carry it in my heart Tôi mang nó trong tim tôi

I am never without it... Tôi chưa bao giờ thiếu nó...)

(E.E. Cummings, *I carry your heart with me*) [23]

Theo Trần Ngọc Thêm [15], *heart* (tim) là biểu tượng tình yêu của người phương Tây nói chung, người Anh nói riêng; vì vậy, tim rất quan trọng trong việc diễn đạt mối quan hệ yêu đương. Khi trao tim mình cho ai thì có nghĩa trao tình yêu cho người đó. Vì vậy, biểu thức ẩn dụ *carry your heart with me* ở đoạn thơ trên thể hiện tình cảm hai chiều của người trao và người nhận thông qua ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ MỘT THỰC THỂ**, có thể cầm nắm và mang đi. Hơn nữa, “tôi mang nó (tim em) trong tim tôi”; không phải ở bất cứ nơi nào mà chính là trong tim tôi, tim trong tim -

“hai trong một”, nó mô tả một tình yêu trọn vẹn, viên mãn nhờ ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT**. Vì thế mà “tôi chưa bao giờ thiếu nó”, tình em dành cho tôi, tình yêu của tôi; đây cũng là mong muốn của những người đang yêu:

(10) *Forever in my heart is where you will be*

Nobody else will enter because you have the only key

(Adrian Jackson, *I love you*) [22]

(Mãi mãi trong tim tôi là nơi em sẽ ở)

Không ai có thể bước vào vì em là người duy nhất có chìa khóa)

Ở đây, tình yêu được hiểu như một ngôi nhà nơi mà người mình yêu chứ không ai khác có thể ở. Các biểu thức ẩn dụ *be in my heart, enter my heart, the key of my heart* xuất phát từ ẩn dụ **TRÁI TIM (TÌNH YÊU) LÀ NGÔI NHÀ**. Tuy nhiên, không phải bao giờ tình yêu cũng suôn sẻ:

(10) Sometimes, *our hearts* (Đôi khi tim ta

run away and become lost chạy trốn và lạc mất)

(Jon. London, *Love will find a way*) [22]

Biểu thức ẩn dụ *our hearts run away and become lost* diễn tả tình yêu không trọn vẹn thông qua ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH**. Trong cuộc hành trình tình yêu này, hai kẻ yêu nhau không còn cùng đi chung nữa, có kẻ “chạy trốn” và “bị lạc”. Song, khi nhận ra lạc mất nhau, họ cảm thấy rất đau khổ:

(11) When we two parted... (Khi hai ta chia tay...

Half broken-hearted,... Một nửa rất đau lòng,...)

(Lord Byron, *When we two parted*) [25]

Ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT** là cơ sở để hiểu được đoạn thơ trên. Là một thể thống nhất nên khi cái tổng thể đó bị tách làm hai nửa thì tất nhiên “tan nát cõi lòng” (*broken-hearted*). Lúc đó, họ sẽ trách nhau:

(12) *You broke my heart...* (Anh đập vỡ trái tim tôi...)

(Samatha, *My love*) [22]

Rõ ràng, con người trở nên đau khổ (*broken-hearted*) khi tình yêu của họ tan vỡ. Điều này được thể hiện trong biểu thức ẩn dụ *break the heart* nhờ ẩn dụ ý niệm **TÌNH YÊU (TRÁI TIM) LÀ MỘT THỰC THỂ**.

Khi kết thúc một tình yêu, người ta đau vì trái tim tan vỡ; nhưng thật may mắn nếu người ta lại tìm thấy niềm vui mới:

(13) Let me mend (Để tôi chữa lành

your broken heart trái tim em đau khổ)

(April Lynn, *Let me be*) [22]

Với ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ MỘT NGƯỜI BỆNH**, chúng ta có thể hiểu được lý do từ *mend* được dùng ở đây. Biểu thức ẩn dụ *mend the broken heart* lột tả được “trạng thái sức khỏe” của trái tim mang nỗi đau từ cuộc tình cũ. Vì vậy, bây giờ nó cần được “chữa lành” bằng một tình yêu mới:

(14) But then, we met.

And everything changed ...

... What a great start!

Especially to begin with my new happy heart.

(Nhưng rồi chúng ta gặp nhau

Và mọi thứ đã thay đổi...

... Một khởi đầu mới tuyệt làm sao!

Đặc biệt với trái tim mới tươi vui.)

(Ceasar, *Happy heart*) [22]

Với tình yêu mới, mọi thứ đều thay đổi. Con người không còn đau khổ với vết thương lòng, di chứng của tình yêu cũ nữa. Lúc này, trái tim như được làm mới và trở nên hạnh phúc trước một bắt đầu mới.

Đến đây, có thể nói rằng hầu hết các trạng thái cơ bản của tình yêu, của người đang yêu đều được diễn đạt bằng “heart” và các biểu thức ẩn dụ chứa “heart” như: *fill the heart, carry the heart, mend the heart, the heart run away, broken heart, happy heart, ...*

3.3.3. Sự giống và khác nhau về cách diễn đạt các biểu thức ẩn dụ chứa “lòng” trong tiếng Việt và “heart” trong tiếng Anh

Lakoff và Johnson [5] lập luận rằng ẩn dụ mang tính phổ quát; vì vậy, các ẩn dụ thường có nét tương đồng ở nhiều ngôn ngữ khác nhau, trong đó có tiếng Việt và tiếng Anh. Rất nhiều ẩn dụ về tình yêu giống nhau được tìm thấy ở cả hai ngôn ngữ như **TÌNH YÊU LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT, LÀ KẼ ĐỐI NGHỊCH**,... với các biểu thức ẩn dụ tương đương có chứa “lòng” và “heart”; chẳng hạn như *lòng chơi với/ half broken-hearted, ...* Bên cạnh đó, các biểu thức ẩn dụ này được dùng mô tả trạng thái tình yêu từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc với các cung bậc cảm xúc trong quá trình yêu thương, như *lòng phơi phới/ happy heart, chết trong lòng/ broken-hearted...*

Tuy nhiên, ẩn dụ dù mang tính phổ quát, nhưng nó cũng phải phù hợp với ý thức ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa của người bản ngữ [3]. Nói cách khác, ẩn dụ vừa có tính phổ quát, vừa có tính đa dạng [9]. Vì vậy, cách diễn đạt tình yêu thông qua các biểu thức ẩn dụ chứa “lòng” (tiếng Việt) và “heart” (tiếng Anh) cũng có nhiều điểm khác biệt. Nếu như trong tiếng Việt, các trạng thái tình cảm được thể hiện gián tiếp thông qua các hiện tượng thiên nhiên, các yếu tố bên ngoài như *lòng ngỡ xuân đang, lòng ngỡ giữa mùa trăng, lòng giăng mây u ám, lòng giăng tơ ...* thì trong tiếng Anh, các trạng thái tình cảm này được miêu tả trực tiếp hơn: *happy heart, broken heart, broken - hearted, ...*

Sở dĩ có những điểm khác biệt này là do cách tư duy của người Việt khác với người nói tiếng Anh. Theo Trần Ngọc Thêm [15], người Việt thuộc nền văn minh gốc nông nghiệp, cuộc sống gắn liền với sản xuất nông nghiệp, gần gũi với thiên nhiên và chịu tác động của thiên nhiên; vì vậy, yếu tố thiên nhiên thường trực trong tư tưởng và xuất hiện trong cách diễn đạt ngôn ngữ của người Việt. Ngược lại, người phương Tây, trong đó có người nói tiếng Anh, chịu ảnh hưởng bởi phương thức sống du mục, luôn đối mặt với sự khắc nghiệt bên ngoài, vì sự sinh tồn của bản thân nên có tính tự lập cao, hướng nội. Điều này lý giải cách diễn đạt trực tiếp trong các biểu thức ngôn ngữ của họ.

4. Kết luận

Sử dụng các hình ảnh “lòng” và “heart” trong các biểu thức ẩn dụ là một trong nhiều cách diễn đạt tình yêu trong tiếng Việt và tiếng Anh. Vì “lòng” và “heart” đều là các yếu tố cơ bản của con người, là biểu tượng của tình yêu, các biểu thức chứa các thành tố này rất phổ biến ở cả hai ngôn ngữ. Nó có thể mô tả đầy đủ các trạng thái tình yêu, cảm xúc của người đang yêu từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc như vui, buồn, phân khởi,...

Tuy nhiên, dù có nhiều điểm tương đồng, từ sâu trong các biểu thức ẩn dụ này vẫn phản ánh những nét khác biệt tồn tại giữa hai ngôn ngữ. Nó xuất phát từ những khác nhau trong tư tưởng và lối sống của mỗi dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] A.S Hornby, *Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English*, 8th Edition, Oxford University Press, 2010.
- [2] Kövecses, Z., *Metaphor and Emotion: Language, Culture and Body in human feeling*, Cambridge: Cambridge University Press, 2000.
- [3] Kövecses, Z., *Metaphor and Culture: Universal and Variation*, Cambridge: Cambridge University Press, 2005.
- [4] Lakoff, G., *The Contemporary Theory of Metaphor*, 2nd Edition, Cambridge: Cambridge University Press, 1993.
- [5] Lakoff, G. and Johnson, M., *Metaphors We Live By*, The University of Chicago Press, Chicago and London, 1980.
- [6] Lakoff, G. and Turner, M., *More Than Cool Reason: A Field Guide to Poetic Metaphor*, Chicago: University of Chicago Press, 1989.
- [7] Phan Văn Hòa, “Ẩn dụ, ẩn dụ dụng học và ẩn dụ ngữ pháp”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 5, 2008.
- [8] Phan Thế Hưng, “Ẩn dụ ý niệm”, *Tạp chí Ngôn ngữ* số 7, 2007.
- [9] Nguyễn Lai, “Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm trong thế giới thi ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, 2009.
- [10] Ly Lan, “Biểu trưng tình cảm bằng các bộ phận cơ thể từ góc nhìn tri nhận của người bản ngữ Tiếng Anh và tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 12, 2009.
- [11] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 2005.
- [12] Nguyễn Đức Tồn, “Bản chất của ẩn dụ”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, 11, 2007.
- [13] Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, NXB Khoa học Xã hội, 2008.
- [14] Lưu Trọng Tuấn, “Ẩn dụ tình yêu trong thơ ca”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, 2009.
- [15] Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [16] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Từ điển Bách khoa, 2010.
- [17] Nguyễn Cừ, *Thơ Nguyễn Bính*, NXB Văn học, 2012.
- [18] Nguyễn Cừ, *Thơ Xuân Diệu*, NXB Văn học, 2012.
- [19] Nguyễn Thanh Tùng, *Thơ tình tuổi đang yêu*, NXB Đà Nẵng, 2011.
- [20] Nguyễn Phong Việt, *Đi qua thương nhớ*, NXB Văn học, 2013.
- [21] <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index>
- [22] Nguyễn Thị Kim Thoa, *Ẩn dụ tri nhận về con người trong văn chương dân gian Nam Bộ*, Khóa luận tốt nghiệp, ĐH KHXH-NV, 2013.
- [23] <http://www.poemhunter.com/poems/love>
- [24] http://www.famouspoetsandpoems.com/love_poems
- [25] <http://www.free-ebooks.net/10-Love-Poems>
- [26] <http://www.free-ebooks.net/100-Greatest-Poems>